TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **121**/2019/QĐST-HNGĐ	*Việt Trì, ngày 05 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 96/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Bích H** - Sinh năm 1986

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức B** - Sinh năm 1984

Đều ĐKHKTT: Tổ 2, phố P, phường D, Tp.T, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị Bích H và anh Nguyễn Đức B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Bùi Thị Bích H và anh Nguyễn Đức B đều xác nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Đình K – sinh ngày 14/9/2013 và Nguyễn Kim Kh - sinh ngày 08/7/2010. Chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu là 4.000.000đồng/tháng, cả 02 con chung là 8.000.000đồng/tháng kể từ tháng 4/2019 cho đến khi 02 con chung trưởng thành, lao động tự túc được. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Bùi Thị Bích H và anh Nguyễn Đức B không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp: Chị Bùi Thị Bích H và anh Nguyễn Đức B không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị Bích H tự nguyện nhận chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị H (Người nộp thay là chị Nguyễn Thị T) đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2018/0003108 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP, Tỉnh;
- UBND xã V, huyện T;
- Chi cục THA TP;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Dương Thị Kim D